

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2105 /BYT-KH-TC

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

V/v Ngành Y tế tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

VĂN PHÒNG UBND T. LANG SON	
Số: 1382
ĐẾN Ngày: 26/4/18
Chuyên:.....Thực hiện Quyết định số 123-QĐ/TW ngày 01/02/2018 của Ban Bí thư về	

Kính gửi: Các Tỉnh ủy, Thành ủy.

việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Quyết định số 12-QĐ/BCĐ ngày 23/3/2018 của Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và Kế hoạch số 13-KH/BCĐ ngày 23/3/2018 của Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Bộ Y tế được Ban Chỉ đạo giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức tổng kết, xây dựng báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết, tập trung làm rõ những nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Để có thể thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo, Bộ Y tế đề nghị Tỉnh ủy, Thành Ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Chỉ đạo Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cấp ủy Đảng, chính quyền, các Sở, Ban, Ngành liên quan nghiêm túc triển khai việc tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, mục tiêu và chỉ tiêu về y tế đã được quy định trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008, Nghị quyết 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 và Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014. Báo cáo công tác y tế cần phải bám sát theo Đề cương báo cáo 10 năm (từ năm 2008 đến hết 31/12/2017) đã được Ban Chỉ đạo phê duyệt và ban hành kèm theo Kế hoạch số 13-KH/BCĐ. Báo cáo tập trung đánh giá việc tổ chức triển khai, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề ra các giải pháp để tiếp tục thực hiện các nội dung về y tế theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và gửi báo cáo kết quả về Bộ Y tế trước ngày 15/5/2018.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao về quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, phần tổng kết về lĩnh vực y tế sẽ tập trung vào các nội dung: Kết quả việc phát triển hệ thống y tế, phát triển nguồn nhân lực y tế; chăm sóc sức khỏe phục vụ người dân khu vực nông thôn; phát triển thể chất người Việt, dân cư nông thôn; nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện và trạm y tế xã, tỷ lệ các xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng nước hợp vệ sinh, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; y tế dự phòng; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám bệnh, chữa bệnh; kết quả thực hiện các chính sách y tế, chính sách dân số, giảm tỷ lệ sinh ở nông thôn, chính sách Bảo hiểm y tế, tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế chung và tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế nhóm đối tượng là người

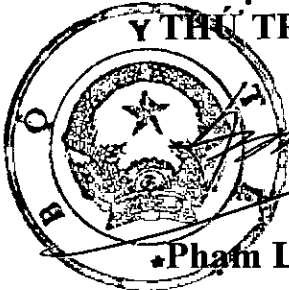
nông dân. Các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số cần phải được phân tích, đánh giá, so sánh từ năm 2008 đến hết năm 2017, so sánh kết quả đã đạt được của toàn tỉnh với khu vực nông thôn và thành thị để mô tả diễn biến các kết quả đã đạt được khi áp dụng triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn và người nông dân (biểu báo cáo chỉ số chuyên môn và đầu tư cho y tế theo biểu đính kèm).

Để phục vụ cho công tác lập báo cáo trình Ban Chỉ đạo cũng như công tác theo dõi, giám sát tiến độ tổng kết lĩnh vực y tế tại địa phương được thuận tiện, đề nghị các Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế, bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW của tỉnh lập và gửi báo cáo về Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp và đồng thời gửi File điện tử về Bộ Y tế qua địa chỉ Email: dinhmoh@gmail.com; điện thoại liên hệ: 0912140473./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Văn Bình, UVBCT, Trưởng BCD;
- Bộ trưởng;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Sở Y tế và Sở NN và PTNT 63 tỉnh, thành phố;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, VPB;
- Viện Chiến lược và CSYT;
- Lưu: VT, KH-TC2.

**KT. BỘ TRƯỞNG
Y THƯ TRƯỞNG**



•Phạm Lê Tuấn

Tên tỉnh / Thành phố:

MẪU BÁO CÁO VỀ LĨNH VỰC Y TẾ
Báo cáo từ năm 2008 đến hết 31/12/2017

....., ngày tháng năm 2018

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

	NỘI DUNG	Năm			
		2008	2010	2015	2017
1	Tổng số xã, phường, thị trấn:
2	Tổng số xã, phường, thị trấn có trạm y tế xã:
3	Phân loại xã: (phân loại 3 vùng theo Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế)				
	Tổng số xã vùng 1:		
	Tổng số xã vùng 2:		
	Tổng số xã vùng 3:		
4	Tỷ lệ % xã đạt CHUẨN / TIÊU CHÍ quốc gia về y tế:
	Số xã vùng 1 đạt tiêu chí quốc gia theo QĐ 4667:		
	Số xã vùng 2 đạt tiêu chí quốc gia theo QĐ 4667:		
	Số xã vùng 3 đạt tiêu chí quốc gia theo QĐ 4667:		
5	Tổng số thôn /bản của tỉnh:
6	Tổng dân số của tỉnh (nghìn người):
7	Tỷ lệ bao phủ BHYT chung trong tỉnh (tính bằng tổng số người có thẻ BHYT / tổng dân số tại thời điểm 31/12):
8	Tỷ lệ bao phủ BHYT của riêng nhóm nông dân trong tỉnh (tính bằng tổng số người nông dân có thẻ BHYT / tổng dân số là nông dân tại thời điểm 31/12):
9	Tổng số trạm y tế xã có khám BHYT:
	Tỷ lệ %:

	NỘI DUNG	Năm			
		2008	2010	2015	2017
10	Chi thường xuyên (ngoài lương) bình quân hàng năm cho mỗi TYT xã (triệu đồng): <i>Nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên cho TYTX là gì:</i> Định mức theo biên chế (triệu đồng/biên chế/năm) Định mức theo trạm y tế (triệu đồng/trạm/năm) Định mức theo đầu dân (đồng/người/năm)

PHẦN II: BÁO CÁO VỀ CÁC KẾT QUẢ CHUYÊN MÔN

	NỘI DUNG	Năm			
		2008	2010	2015	2017
1	Tỷ số giới tính khi sinh Tỷ số giới tính khi sinh khu vực nông thôn
2	Tỷ lệ trẻ từ 6 - 36 tháng được uống Vitamin A Tỷ lệ trẻ từ 6 - 36 tháng được uống Vitamin A khu vực nông thôn
3	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi khu vực nông thôn
4	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi khu vực nông thôn
5	Tỷ lệ % trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ các loại vắc xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế Tỷ lệ % trẻ em dưới 1 tuổi khu vực nông thôn được tiêm chủng đủ các loại vắc xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế
6	Tỷ lệ % phụ nữ được tiêm phòng uốn ván đủ liều trong thai kỳ Tỷ lệ % phụ nữ được tiêm phòng uốn ván đủ liều trong thai kỳ khu vực nông thôn

	NỘI DUNG	Năm			
		2008	2010	2015	2017
7	Tỷ lệ % phụ nữ khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ Tỷ lệ % phụ nữ khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ khu vực nông thôn
8	Tỷ lệ % ca đẻ tại trạm y tế xã Tỷ lệ % ca đẻ tại trạm y tế xã khu vực nông thôn
9	Tỷ lệ % ca đẻ được cán bộ y tế hỗ trợ Tỷ lệ % ca đẻ được cán bộ y tế hỗ trợ khu vực nông thôn
10	Tỷ lệ % phụ nữ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh Tỷ lệ % phụ nữ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh khu vực nông thôn

PHẦN III: BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

	NỘI DUNG	Năm			
		2008	2010	2015	2017
1	Tỷ lệ % hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh Tỷ lệ % hộ gia đình nông thôn có sử dụng nước hợp vệ sinh
2	Tỷ lệ % hộ gia đình có sử dụng nước hợp vệ sinh Tỷ lệ % hộ gia đình nông thôn có sử dụng nước hợp vệ sinh
3	Tỷ lệ % hộ gia đình có sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế Tỷ lệ % hộ gia đình nông thôn có sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế
4	Tỷ lệ % trạm y tế xã thực hiện quản lý chất thải y tế (bao gồm cả chất thải rắn và nước thải) theo quy định
5	Tỷ lệ % trạm y tế xã có triển khai thực hiện cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp theo quy định	X	X	X

PHẦN IV: BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ CHO Y TẾ
(Từ năm 2008 đến hết 31 /12 /2017)

	Nội dung	Trả lời
1.	Tổng số bệnh viện huyện / TTYT huyện được xây dựng mới: Tổng kinh phí: Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương Ngân sách địa phương Trái phiếu Chính phủ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Nguồn khác (ghi rõ): Bệnh viện đồng đồng đồng đồng đồng đồng
2.	Tổng số bệnh viện huyện / TTYT huyện được nâng cấp, sửa chữa: Tổng kinh phí: Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương Ngân sách địa phương Trái phiếu Chính phủ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Nguồn khác (ghi rõ): Bệnh viện đồng đồng đồng đồng đồng
3.	Tổng số trạm y tế xã, phường, thị trấn được xây dựng mới: Tổng kinh phí: Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương Ngân sách địa phương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Nguồn khác (ghi rõ): Trạm đồng đồng đồng đồng
4.	Tổng số trạm y tế xã, phường, thị trấn được nâng cấp, sửa chữa: Tổng kinh phí: Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương Ngân sách địa phương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Nguồn khác (ghi rõ): Trạm đồng đồng đồng đồng

-----o0o-----